

NGHỊ QUYẾT
**Ban hành quy định về định mức phân bổ dự toán
chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2017**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 46/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2017;

Xét Tờ trình số 226/TTr-UBND ngày 17/11/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2017; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2017.

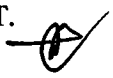
Điều 2: Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

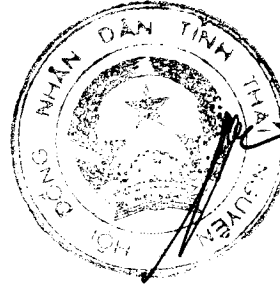
Điều 3: Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Tài chính (Báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Kiểm tra);
- Thường trực Tỉnh uỷ (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh khóa XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực X;
- Các sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh uỷ, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH;
- Lãnh đạo VP HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các CV phòng Tổng hợp;
- Báo Thái Nguyên; TTTT tỉnh (để đăng);
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa

QUY ĐỊNH

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2017

*(Kèm theo Nghị quyết số: **39** /2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 3)*

Chương I: YÊU CẦU VÀ NGUYÊN TẮC

Điều 1. Yêu cầu

- Việc xây dựng định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2017 phải đảm bảo góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng giai đoạn 2017-2020 của toàn tỉnh, cũng như từng đơn vị, địa phương. Ưu tiên bố trí kinh phí cho những lĩnh vực quan trọng (giáo dục, đào tạo dạy nghề, khoa học công nghệ...) và các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn, đồng thời có tính đến đặc thù của các địa phương là trọng điểm kinh tế của tỉnh.

- Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách tỉnh năm 2017 và cả giai đoạn ổn định ngân sách 2017-2020.

- Thúc đẩy thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước. Đẩy nhanh tiến độ triển khai tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, giảm dần mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hóa, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

- Tiêu chí, căn cứ của định mức phân bổ phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện, dễ kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, thúc đẩy cải cách hành chính.

Điều 2. Nguyên tắc

- Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2015.

- Tăng tính công khai, minh bạch trong phương án phân bổ ngân sách tỉnh và từng địa phương.

- Riêng đối với ngân sách cấp tỉnh: Chỉ quy định định mức đối với một số lĩnh vực có phạm vi điều chỉnh rộng, mang tính thường xuyên cao; không ban hành

định mức đối với một số lĩnh vực chi thường xuyên có tính đặc thù, mang tính chất riêng biệt.

Chương II:
ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH
TỈNH THÁI NGUYÊN NĂM 2017

Điều 3. Định mức phân bổ chi sự nghiệp giáo dục

1. Định mức phân bổ được xác định theo tỷ lệ phần trăm % giữa tổng quỹ tiền lương, phụ cấp (không bao gồm phụ cấp đặc thù), các khoản đóng góp theo lương và chi khác để đảm bảo các hoạt động thường xuyên, cụ thể như sau:

Lĩnh vực	Tiêu chí phân bổ	Định mức
- Giáo dục mầm non, tiểu học, Trung học cơ sở (bao gồm các trường phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở)	Cơ cấu (%) chi lương và chi khác	82/18
- Giáo dục trung học phổ thông, khối dân tộc nội trú, Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi	Cơ cấu (%) chi lương và chi khác	80/20

Tỷ lệ trên áp dụng với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017 theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng. Các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 không tính toán lại tỷ lệ trên, các địa phương phấn đấu tăng thu bổ sung chi sự nghiệp giáo dục theo quy định; đồng thời căn cứ khả năng ngân sách cấp tỉnh, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ các địa phương thêm một phần kinh phí để tăng chi khác.

2. Định mức trên đã bao gồm: Kinh phí tăng lương thường xuyên; kinh phí mua sắm trang thiết bị của giáo viên để phục vụ dạy và học, kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất; kinh phí tham quan học tập kinh nghiệm theo chế độ; kinh phí chi chung của ngành; kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên quốc phòng theo Thông tư số 15/2015/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BTC ngày 16/7/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính; kinh phí thực hiện chế độ đối với giáo viên thể dục thể thao theo Quyết định số 51/2012/QĐ-TTg ngày 16/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ, lương nhân viên bảo vệ và nhân viên phục vụ vệ sinh...

3. Căn cứ tình hình thực tế, năm 2017 và các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách, phòng Giáo dục và Đào tạo thống nhất với phòng Tài chính Kế hoạch xác định mức chi chung của ngành báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định, trong đó có sự ưu tiên đối với cấp học Tiểu học do thực hiện không thu học phí.

Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính xác định mức chi chung để lại văn phòng Sở, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Định mức trên chưa bao gồm:

a) Nguồn thu sự nghiệp, thu học phí, cấp bù học phí được miễn giảm của các đối tượng.

b) Hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng.

c) Kinh phí thực hiện Nghị định số 61/2006/NĐ-CP ngày 20/6/2006, Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010, Nghị định 19/2013/NĐ-CP ngày 23/2/2013 và Nghị định 54/2011/NĐ-CP ngày 04/7/2011 của Chính phủ.

d) Học bổng, hỗ trợ, trợ cấp cho học sinh khuyết tật và chế độ cho giáo viên dạy học sinh khuyết tật.

5. Các khoản kinh phí sau được xác định trên cơ sở số đối tượng thực tế, số bổ sung của Trung ương theo chế độ quy định gồm:

a) Kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3-5 tuổi.

b) Kinh phí hỗ trợ học bổng, chi phí học tập cho học sinh khuyết tật.

c) Kinh phí hỗ trợ học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Chính phủ.

d) Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

đ) Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ.

e) Chế độ học bổng cho học sinh dân tộc nội trú, chế độ cho học sinh bán trú.

6. Riêng Trường Phổ thông Dân tộc nội trú, Trường Giáo dục và Hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi được bổ sung kinh phí đặc thù 70 triệu đồng/trường/năm.

Điều 4. Định mức phân bổ chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề

1. Cấp tỉnh:

Lĩnh vực	Tiêu chí phân bổ	Định mức
1. Hệ dài hạn tập trung		
a) Khối sự phạm (bao gồm cả bù không thu học phí)		
- Hệ cao đẳng	Tr.đồng/sinh viên/năm	22,5
- Hệ trung cấp	Tr.đồng/sinh viên/năm	16

Lĩnh vực	Tiêu chí phân bổ	Định mức
b) Khối y, dược		
- Hệ cao đẳng	Tr.đồng/sinh viên/năm	19
- Hệ trung cấp	Tr.đồng/sinh viên/năm	15
c) Trường Cao đẳng Kinh tế - Tài chính		
- Khối kinh tế		
+ Hệ cao đẳng	Tr.đồng/sinh viên/năm	18
+ Hệ trung cấp	Tr.đồng/sinh viên/năm	14
- Khối kỹ thuật nghề bưu chính viễn thông		
+ Hệ trung cấp	Tr.đồng/sinh viên/năm	16
2. Đào tạo nghề (áp dụng đối với các chỉ tiêu theo đề án được UBND tỉnh phê duyệt)		
- Hệ cao đẳng (khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ)	Tr.đồng/sinh viên/năm	7
- Hệ trung cấp nghề (khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ)	Tr.đồng/sinh viên/năm	6,1
- Hệ sơ cấp (không quá 3 tháng)	Tr.đồng/sinh viên/năm	Thực hiện theo quy định của UBND tỉnh
3. Đào tạo tại chức		
- Trung cấp chính trị	Tr.đồng/sinh viên/năm	4
- Sơ cấp chính trị, các lớp bồi dưỡng chính trị, quản lý nhà nước, bồi dưỡng khác	Tr.đồng/sinh viên/năm	4
- Liên kết đào tạo		Tự cân đối

a) Định mức phân bổ chi đào tạo cao đẳng, trung cấp hệ tập trung được tính trên cơ sở mức tiền lương 1.210.000 đồng, đã bao gồm lương và các khoản phụ cấp lương được Nhà nước quy định, các hoạt động thường xuyên phục vụ công tác đào tạo.

b) Riêng Trường Chính trị tỉnh, Trường phổ thông năng khiếu Thể dục và thể thao tỉnh, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, các trường trung cấp nghề chỉ cho bộ máy được tính định mức chi theo biên chế các đơn vị sự nghiệp cùng loại. Kinh phí chi cho các lớp năng khiếu, các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo chỉ tiêu được giao và định mức phân bổ dự toán.

c) Định mức phân bổ cho công tác đào tạo trung cấp chính trị, sơ cấp chính trị, bồi dưỡng do Trường Chính trị tỉnh thực hiện chưa bao gồm hỗ trợ tiền ăn

theo quy định của Bộ Tài chính cho học viên là cán bộ cấp xã nhưng không được hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

d) Định mức phân bổ cho khối năng khiếu nghệ thuật đã được tính đảm bảo theo mức chi đặc thù.

đ) Đào tạo lại (giao cho các sở, ban, ngành): Thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính.

e) Định mức trên chưa bao gồm kinh phí hỗ trợ miễn, giảm học phí cho các đối tượng.

g) Định mức phân bổ theo số lượng học sinh, sinh viên hàng năm được cấp có thẩm quyền giao cho từng hệ đào tạo, theo thời gian học thực tế.

h) Đối với số học sinh chuyển tiếp từ năm trước sang năm sau, căn cứ vào số học sinh thực tế có mặt và thời gian học trong năm để xác định mức kinh phí được phân bổ theo định mức.

i) Đối với số học sinh, sinh viên không thuộc chỉ tiêu được giao (ngoài kế hoạch) thực hiện theo cơ chế cung ứng dịch vụ công, cơ sở đào tạo chủ động cân đối nguồn kinh phí từ nguồn thu đóng góp của học sinh, ngân sách nhà nước không đảm bảo kinh phí.

2. Cấp huyện:

a) Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thành phố, thị xã:

- Chi bộ máy: Định mức chi 105 triệu đồng/biên chế/năm.

- Chi cho đào tạo và đào tạo lại:

Tên đơn vị	Đơn vị tính	Định mức
- Thành phố Thái Nguyên	Tr.đ/Trungtâm/năm	1.450
- Thành phố Sông Công	Tr.đ/Trungtâm/năm	700
- Thị xã Phổ Yên	Tr.đ/Trungtâm/năm	1.050
- Huyện: Đại Từ, Phú Bình, Phú Lương, Đồng Hỷ	Tr.đ/Trungtâm/năm	1.100
- Huyện: Võ Nhai, Định Hóa	Tr.đ/Trungtâm/năm	1.300

b) Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:

- Chi bộ máy: Định mức chi 105 triệu đồng/biên chế/năm.

- Chi hoạt động:

Tên đơn vị	Đơn vị tính	Định mức
- Thành phố Thái Nguyên	Tr.đ/Trungtâm/năm	150
- Thành phố Sông Công	Tr.đ/Trungtâm/năm	150
- Thị xã Phổ Yên	Tr.đ/Trungtâm/năm	250

- Huyện: Đại Từ, Phú Bình, Phú Lương, Đồng Hỷ	Tr.đ/Trungtâm/năm	275
- Huyện: Võ Nhai, Định Hóa	Tr.đ/Trungtâm/năm	350

Điều 5. Định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế

1. Sự nghiệp chữa bệnh: Ngân sách tỉnh bổ sung cho các bệnh viện theo quy định tại Thông tư số 37/2015/TTLT-BYT-BTC ngày 29/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Tài chính, cụ thể:

a) Chi phí quản lý: Căn cứ số biên chế của bộ phận quản lý, phân bổ chi khác như các đơn vị sự nghiệp cùng loại hình, cùng quy mô.

b) Tính đủ kinh phí thực hiện Nghị định số 64/2009/NĐ-CP ngày 30/7/2009 và Nghị định số 116/2010/NĐ-CP ngày 24/12/2010 của Chính phủ.

c) Phụ cấp lương và chênh lệch tiền lương từ 1.150.000 đồng lên 1.210.000 đồng (bao gồm cả các khoản đóng góp) chưa được kết cấu trong giá dịch vụ y tế.

d) Riêng Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Chỉnh hình và Phục hồi chức năng Thái Nguyên, Khu Điều trị phong: Chi bộ máy tính theo định mức phân bổ các đơn vị sự nghiệp và số biên chế có mặt. Chi cho bệnh nhân khu điều trị phong được áp dụng theo chế độ quy định đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

đ) Kinh phí khấu hao tài sản cố định của các đơn vị khám chữa bệnh khi chưa được kết cấu vào giá dịch vụ y tế: Căn cứ nhu cầu của các đơn vị và khả năng cân đối của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

2. Sự nghiệp phòng bệnh:

a) Chi lương, các khoản có tính chất tiền lương, các khoản đóng góp theo lương căn cứ biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

b) Chi khác: Định mức phân bổ như các đơn vị sự nghiệp.

3. Trạm y tế xã: Tính đảm bảo lương, phụ cấp, trực, các khoản có tính chất lương. Chi khác phân bổ 13 triệu đồng/biên chế/năm.

4. Y tế thôn bản: Thực hiện Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

5. Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho cựu chiến binh, trẻ em dưới 6 tuổi, người nghèo, người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người đang sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, học sinh, sinh viên... Căn cứ vào đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, ngân sách nhà nước thực hiện hỗ trợ theo quy định.

Điều 6. Định mức chi quản lý hành chính.

1. Cấp tỉnh:

a) Áp dụng định mức chung phân bổ dự toán chi quản lý hành chính cho các sở, ban, ngành và các cơ quan thuộc ngân sách cấp tỉnh như sau:

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh (khối cơ quan hành chính)	Định mức (Tr.đ/biên chế/năm)
- Dưới 10 biên chế	34
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	33
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	32
- Từ 30 đến dưới 40 biên chế	31
- Từ 40 biên chế trở lên	30

- Riêng lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ phân bổ 24 triệu đồng/biên chế/năm.

- Trường hợp chi lương, phụ cấp và các khoản có tính chất lương lớn hơn 75% tổng chi quản lý hành chính sẽ được bù đảm bảo tỷ lệ chi lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương tối đa bằng 75%.

b) Định mức trên bao gồm:

- Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động thường xuyên của bộ máy cơ quan: Khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, thông tin liên lạc, công tác phí, hội nghị, tổng kết, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu...

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên phát sinh hàng năm: Chi nghiệp vụ chuyên môn của ngành, chi cho công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; xây dựng, hoàn thiện, rà soát văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực ngành, kinh phí hoạt động của đảng, đoàn thể...

- Các khoản kinh phí bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị; sửa chữa thường xuyên tài sản; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định. Kinh phí bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa nhỏ trụ sở.

- Nâng lương thường xuyên.

c) Định mức không bao gồm các nội dung chi sau:

- Chi lương và các khoản có tính chất tiền lương.

- Các khoản chi đặc thù phát sinh theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao.

d) Phân bổ dự toán đối với mức lương của số biên chế chưa có mặt (chênh lệch giữa biên chế được giao và biên chế có mặt) được phân bổ bằng mức lương chuyên viên bậc 1.

đ) Trên cơ sở biên chế hành chính được Hội đồng nhân dân tỉnh giao, và mức chi thường xuyên theo định mức phân bổ, khuyến khích các cơ quan, đơn vị tinh giản biên chế, tiết kiệm chi tiêu để tăng thu nhập cho cán bộ, công chức và tăng chi cho các nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan, đơn vị.

e) Ngoài ra, căn cứ khả năng ngân sách, hàng năm ngân sách tỉnh dành một phần kinh phí cho mua sắm, sửa chữa, chi đối ứng dự án, kinh phí đề án, quy hoạch.

2. Cấp huyện:

Nội dung	Định mức (Tr.đ/biên chế/năm)
- Khối đảng, đoàn thể	127
+ Hợp đồng theo Nghị định số 68	85
- Quản lý nhà nước	110
+ Hợp đồng theo Nghị định số 68	72
- Tiêu chí bổ sung	
+ Thành phố Thái Nguyên	1.900
+ Thành phố Sông Công	1.400
+ Thị xã Phổ Yên	1.500
+ Huyện Định Hóa, huyện Võ Nhai	2.900
+ Các huyện còn lại	1.500

Sau khi tính toán mức chi theo định mức phân bổ trên, nếu cơ cấu chi lương, phụ cấp lương vượt quá 75% tổng số chi, được xác định theo cơ cấu chi lương, phụ cấp lương và các khoản có tính chất lương tối đa 75%, chi khác tối thiểu 25%.

Định mức đã bao gồm kinh phí thực hiện nhiệm vụ các cơ quan hành chính nhà nước, các cơ quan có nhiệm vụ đặc thù, thực hiện chế độ quy định theo phân cấp như kinh phí hoạt động cấp ủy, kinh phí hoạt động của hội đồng nhân dân, trang phục thanh tra...

3. Cấp xã: Căn cứ theo Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và Nghị định 29/2013/NĐ-CP ngày 8/4/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 92/2009/NĐ-CP và các văn bản quy định, hướng dẫn khác, định mức phân bổ như sau:

a) Định mức phân bổ cho cán bộ công chức và cán bộ chuyên trách cấp xã theo biên chế được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tính bình quân 77 triệu

đồng/biên chế/năm. Sau khi tính toán mức chi theo định mức phân bổ trên, nếu cơ cấu chi lương, phụ cấp lương vượt quá 75% tổng số chi, được xác định theo cơ cấu chi lương, phụ cấp lương và các khoản có tính chất lương tối đa 75%, chi khác tối thiểu 25%.

b) Đối với cán bộ không chuyên trách xã, phường, thị trấn hưởng chế độ phụ cấp theo quy định tại Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 25/01/2014 của UBND tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh và mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã và xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Phân bổ kinh phí cho một số chức danh ở cấp xã và ở xóm, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên theo Nghị quyết số 106/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

d) Đối với kinh phí hoạt động của các Ban Thanh tra nhân dân cấp xã thực hiện theo Thông tư liên tịch số 40/2006/TTLT/BTC-BTTUBTWMTTQVN-TLĐLĐVN ngày 12/5/2006 của Bộ Tài chính, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam hướng dẫn về kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân; kinh phí hoạt động ban giám sát đầu tư cộng đồng: 5 triệu đồng/ban/năm.

đ) Kinh phí thực hiện cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh được phân bổ mức 5 triệu đồng/khu dân cư/năm; đối với khu dân cư thuộc xã khó khăn phân bổ mức 7 triệu đồng/khu dân cư/năm; ban chỉ đạo cấp xã được phân bổ 5 triệu đồng/xã/năm; đối với xã khó khăn phân bổ 7 triệu đồng/xã/năm.

e) Chi khác của các đoàn thể ở xã được phân bổ như sau:

- Mặt trận Tổ quốc: 9 triệu đồng/đoàn thể/năm.
- Các đoàn thể còn lại (4 đoàn thể): 8 triệu đồng/đoàn thể/năm.

g) Chi hoạt động của 5 chi hội ở xóm thuộc xã đặc biệt khó khăn và xóm đặc biệt khó khăn phân bổ mức 2 triệu đồng/chi hội/năm.

h) Chi thù lao hàng tháng đối với thành viên đội công tác xã hội tình nguyện cấp xã theo Nghị quyết số 66/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

i) Ngoài định mức trên, các xã được bổ sung 20 triệu đồng/xã/năm để chi cho các nội dung đặc thù của xã.

Điều 7. Định mức phân bổ chi bộ máy của các đơn vị sự nghiệp

1. Cấp tinh:

a) Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên:

Thực hiện cơ chế Nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật về giá.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần kinh phí chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp).

- Quỹ tiền lương: Theo số biên chế được cấp có thẩm quyền giao với mức lương cơ sở theo quy định hiện hành.

- Chi hoạt động theo định mức phân bổ như sau:

Đơn vị sự nghiệp	Định mức (Tr.đ/biên chế/năm)
1. Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo chi thường xuyên	
- Dưới 10 biên chế	22
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	21
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	20
- Từ 30 đến dưới 40 biên chế	19
- Từ 40 biên chế trở lên	18
- Lao động hợp đồng 68	15
2. Đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước đảm bảo 1 phần chi thường xuyên	
Đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên từ 10% đến dưới 60%	
- Dưới 10 biên chế	20
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	19
- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	18
- Từ 30 đến dưới 40 biên chế	17
- Từ 40 biên chế trở lên	16
- Lao động hợp đồng 68	15
Đối với đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên từ 60% đến dưới 100%	
- Dưới 10 biên chế	18
- Từ 10 đến dưới 20 biên chế	17

- Từ 20 đến dưới 30 biên chế	16
- Từ 30 đến dưới 40 biên chế	15
- Lao động hợp đồng 68	14

c) Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, các hội đặc thù thuộc cấp tỉnh, các lao động hợp đồng khác được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định của Luật NSNN và các văn bản hướng dẫn thi hành, chi khác được tính bằng định mức chi khác của lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ đối với đơn vị sự nghiệp công do nhà nước đảm bảo chi thường xuyên.

d) Phân bổ dự toán đối với mức lương của số biên chế chưa có mặt (chênh lệch giữa số biên chế được giao và biên chế có mặt) được phân bổ bằng hệ số lương chuyên viên bậc 1 không bao gồm các khoản phải đóng góp theo lương.

2. Cấp huyện:

Căn cứ biên chế sự nghiệp được cấp có thẩm quyền giao, định mức phân bổ như sau: 85 Triệu đồng/biên chế/năm.

Điều 8. Định mức phân bổ chi sự nghiệp văn hoá, thông tin

1. Cấp tỉnh:

a) Chi cho bộ máy được phân bổ như định mức quy định tại Điều 7.

b) Chi cho các hoạt động văn hóa, thông tin căn cứ vào khả năng ngân sách và nhiệm vụ của ngành. Sở Tài chính phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tính toán cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cấp huyện: Chi cho các hoạt động văn hoá cơ sở, căn cứ vào số lượng đơn vị hành chính trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã để phân bổ, bình quân 30 triệu đồng/xã/năm.

3. Cấp xã: Định mức phân bổ bình quân 22 triệu đồng/xã/năm.

Định mức trên đã bao gồm kinh phí hoạt động các đội thông tin lưu động.

Điều 9. Định mức phân bổ chi sự nghiệp thể dục, thể thao

1. Cấp tỉnh:

a) Chi cho bộ máy được phân bổ như định mức quy định tại Điều 7.

b) Chi cho các hoạt động thể dục thể thao căn cứ vào khả năng ngân sách và nhiệm vụ của ngành. Sở Tài chính phối hợp với Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch

tính toán cụ thể báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Cấp huyện: Chi cho hoạt động thể dục, thể thao căn cứ số lượng đơn vị hành chính trên địa bàn các huyện, thành phố, thị xã để phân bổ; bình quân 14 triệu đồng/xã/năm.

3. Cấp xã: Định mức phân bổ bình quân 15 triệu đồng/xã/năm.

Điều 10. Định mức phân bổ chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình

1. Cấp tỉnh:

a) Chi cho bộ máy được phân bổ như định mức quy định tại Điều 7.

b) Chi hoạt động phát thanh truyền hình: Khoán kinh phí hoạt động cho Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh: 15 tỷ đồng/năm. Kinh phí trên đã bao gồm thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao như kinh phí chi trả nhuận bút; xăng dầu, điện nước phục vụ chương trình phát sóng; truyền hình trực tiếp; chi mua bản quyền, mua tin tức; hoạt động trang website điện tử; kinh phí sản xuất phim; các chương trình truyền hình được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ như thực hiện phát sóng tiếng dân tộc, các chuyên trang, chuyên mục, tuyên truyền nhiệm vụ chính trị...

2. Cấp huyện:

Phân bổ cho đài phát thanh truyền hình các địa phương:

Nội dung	Định mức (Tr.đ/đơn vị/năm)
- Thành phố Thái Nguyên	1.700
- Thành phố Sông Công	700
- Các địa phương còn lại	900

3. Định mức trên chưa bao gồm nguồn thu từ quảng cáo truyền hình và các nguồn thu khác đơn vị được sử dụng theo quy định.

Điều 11. Định mức phân bổ chi đảm bảo xã hội

1. Cấp tỉnh:

a) Chi cho bộ máy được phân bổ như định mức quy định tại Điều 7.

b) Các khoản chi đặc thù:

- Đảm bảo chi hoạt động sự nghiệp xã hội của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (bảo vệ, duy trì, sửa chữa các công trình tường niệm, ghi công do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý).

- Kinh phí cho các đối tượng ở các trung tâm, cơ sở bảo trợ xã hội tập trung, khu điều trị phong theo mức chi quy định của nhà nước.

2. Cấp huyện:

a) Kinh phí chi hoạt động đảm bảo xã hội của các huyện, thành phố, thị xã phân bổ mức 15 triệu đồng/xã/năm (bao gồm cả duy trì, sửa chữa các công trình tưởng niệm do huyện quản lý).

b) Kinh phí hỗ trợ trực tiếp người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg ngày 07/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân bổ kinh phí thực hiện chế độ thăm hỏi động viên các gia đình thuộc diện chính sách (gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, bà mẹ Việt Nam anh hùng, người có công với cách mạng, quân nhân bị tai nạn nghề nghiệp) vào ngày lễ, tết: 500.000 đồng/gia đình/năm.

d) Kinh phí thực hiện chế độ trợ cấp hàng tháng cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 136/2013/NĐ-CP.

đ) Kinh phí cán bộ xã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng theo chế độ hiện hành.

Điều 12. Định mức phân bổ chi quốc phòng, an ninh

Căn cứ mức phân bổ của ngân sách Trung ương cho hoạt động quốc phòng, an ninh hàng năm và khả năng ngân sách, bố trí cho quốc phòng, an ninh như sau:

1. Cấp tỉnh: Tính theo nhiệm vụ quốc phòng an ninh hàng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định cụ thể trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

2. Cấp huyện:

a) Phân bổ theo số đơn vị hành chính trên địa bàn: 150 triệu đồng/xã/năm.

b) Định mức phân bổ bổ sung:

- Thành phố Thái Nguyên: 500 triệu đồng/năm.

- Thành phố Sông Công: 200 triệu đồng/năm.

- Thị xã Phổ Yên: 400 triệu đồng/năm.

3. Cấp xã:

a) Chi phụ cấp cho các chức danh làm công tác quân sự địa phương, dân quân tự vệ ở cấp xã đã được Hội đồng nhân dân tỉnh và Chính phủ quy định.

b) Chi hỗ trợ hoạt động quốc phòng, an ninh phân bổ 60 triệu đồng/xã/năm.

Điều 13. Định mức phân bổ chi sự nghiệp khoa học và công nghệ

Tính toán, phân bổ theo mức kinh phí trung ương giao và nhiệm vụ khoa học công nghệ của tỉnh hàng năm.

Điều 14. Định mức phân bổ chi sự nghiệp kinh tế

1. Cấp tỉnh:

a) Chi cho bộ máy được phân bổ như định mức quy định tại Điều 7.

b) Các nội dung chi khác: Căn cứ vào nhiệm vụ và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

2. Chi sự nghiệp kinh tế cấp huyện: Phân bổ bằng tỷ lệ 5% tổng chi thường xuyên (từ Điều 3 đến Điều 13).

3. Chi sự nghiệp kinh tế cấp xã: Phân bổ 25 triệu đồng/xã/năm.

4. Kinh phí miễn thu thủy lợi phí, hỗ trợ địa phương sản xuất lúa được phân bổ trên cơ sở mức hỗ trợ của Trung ương.

Điều 15. Định mức chi sự nghiệp hoạt động môi trường

1. Cấp tỉnh: Đảm bảo mức chi hoạt động môi trường cấp tỉnh quản lý. Căn cứ vào các quy định của Trung ương và khả năng ngân sách, Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

2. Cấp huyện:

Phân bổ theo tỷ lệ phần trăm các khoản chi (từ Điều 3 đến Điều 14), cụ thể: Đối với thành phố Thái Nguyên được tính bằng tỷ lệ 10%; thành phố Sông Công được tính bằng tỷ lệ 5%; thị xã Phổ Yên được tính bằng tỷ lệ 4%; đối với các huyện được tính bằng tỷ lệ 1%.

Ngoài ra bổ sung thêm kinh phí thực hiện các hoạt động sự nghiệp kinh tế, môi trường, đô thị, chiếu sáng, các nhiệm vụ của địa phương:

Tên đơn vị	Định mức (Triệu đồng)
- Thành phố Thái Nguyên	76.500
- Thành phố Sông Công	40.000
- Thị xã Phổ Yên	40.000
- Huyện Phú Bình	10.000
- Các địa phương khác	5.000

Hàng năm, căn cứ vào số thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và nhu cầu chi của các địa phương, ngân sách tỉnh xem xét cân đối hỗ trợ cho các địa phương có diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản.

Điều 16. Định mức phân bổ chi thường xuyên khác của ngân sách địa phương

1. Cấp tỉnh: Phân bổ bằng tỷ lệ 1,5% tổng chi thường xuyên ngân sách tỉnh.
2. Cấp huyện: Phân bổ bằng tỷ lệ 0,5% tổng chi thường xuyên ngân sách huyện đã tính được theo định mức phân bổ nêu trên (từ Điều 3 đến Điều 15).

Điều 17. Dự phòng ngân sách

1. Cấp tỉnh: Mức bố trí dự phòng từ 2% đến 4% tổng chi cân đối ngân sách cấp tỉnh, mức cụ thể Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trong phương án phân bổ ngân sách hàng năm.

2. Cấp huyện, xã: Phân bổ bằng tỷ lệ 2% tổng chi ngân sách huyện, xã.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Định mức phân bổ đã bao gồm kinh phí thực hiện toàn bộ chính sách do Trung ương và tỉnh ban hành đến 31/5/2016 và theo mức lương cơ sở 1.210.000 đồng. Đối với các chính sách mới do Trung ương ban hành, chính sách tăng mức chi so với định mức đã tính trong dự toán chi năm 2017, căn cứ trên số bổ sung của ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh sẽ bổ sung cho các đơn vị, địa phương để thực hiện theo quy định.

2. Đối với các chính sách (kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP, hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội, kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng hộ gia đình cận nghèo do ngân sách Trung ương hỗ trợ, người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình) căn cứ đối tượng thực tế, số bổ sung của ngân sách Trung ương, tỉnh sẽ hỗ trợ có mục tiêu cho các đơn vị, địa phương theo chế độ quy định.

3. Các chế độ chính sách đã tính ở năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách, các địa phương chủ động bố trí ngân sách để thực hiện; trường hợp kinh phí thực hiện thừa, thiếu so với mức đã bố trí năm đầu thời kỳ ổn định, các địa phương có báo cáo kết quả thực hiện (thông qua Sở Tài chính) để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Tài chính bổ sung kinh phí.

4. Trong quá trình phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cải cách hành chính và thực hiện công khai minh bạch ngân sách theo quy định.

5. Căn cứ quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập, yêu cầu các đơn vị sự nghiệp công lập tăng cường tính tự chủ; ngân sách nhà nước sẽ giảm dần

mức hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp phù hợp với lộ trình điều chỉnh giá, phí sự nghiệp công, dành nguồn lực chuyển sang hỗ trợ trực tiếp các đối tượng hưởng chế độ chính sách.

Hàng năm, trong thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, căn cứ vào kết quả thực hiện Nghị định 16/2015/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan, giao Sở Tài chính xác định mức giảm chi ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các đơn vị công lập, báo cáo UBND tỉnh phân bổ nguồn lực thực hiện các chế độ chính sách.

6. Căn cứ định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước tỉnh Thái Nguyên năm 2017, khả năng ngân sách và đặc điểm của từng địa phương, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định phương án phân bổ ngân sách địa phương phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo mức phân bổ một số lĩnh vực không thấp hơn mức Hội đồng nhân dân tỉnh giao và theo đúng quy định của Luật NSNN.

Điều 19. Phạm vi điều chỉnh

Định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách tỉnh Thái Nguyên năm 2017 được áp dụng từ năm ngân sách 2017 và thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật NSNN./.


CHỦ TỊCH




Bùi Xuân Hòa